

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 023/2022/CVTT ngày 27/8/2022 đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Phát triển công viên trung tâm và hồ sơ kèm theo;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở: Tổ hợp căn hộ, thương mại, văn phòng tại ô đất ký hiệu E1.3, Khu đô thị mới Cầu Giấy, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 039/2022/CVTT ngày 28/12/2022 của Công ty TNHH Phát triển công viên trung tâm;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 559/TTr-STNMT-KTTV&BĐKH ngày 31/01/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Phát triển công viên trung tâm, địa chỉ trụ sở chính tại: P900, Tầng 9, Tòa nhà IPH, Số 241 Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở: Tổ hợp căn hộ, thương mại, văn phòng tại ô đất ký hiệu E1.3, Khu đô thị mới Cầu Giấy, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Tổ hợp căn hộ, thương mại, văn phòng tại ô đất ký hiệu E1.3, Khu đô thị mới Cầu Giấy, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.2. Địa điểm hoạt động: ô đất ký hiệu E1.3, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.3. Công ty TNHH Phát triển công viên trung tâm được thành lập theo giấy chứng

nhận đăng ký kinh doanh số 0107457624 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/6/2016.

1.4. Mã số thuế: 0107457624

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: căn hộ, thương mại, văn phòng

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất hoạt động của cơ sở:

- Phạm vi: Tổ hợp căn hộ, thương mại, văn phòng có địa chỉ tại ô đất ký hiệu E1.3, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích: 23.134,3 m².

- Quy mô:

Tổ hợp căn hộ, thương mại, văn phòng đã được đầu tư xây dựng 03 khối nhà hỗn hợp căn hộ, dịch vụ thương mại (các Tòa nhà có ký hiệu là HH1 (nay là S1), HH2 (nay là S2), HH3 (nay là S3)) trên diện tích đất 23.134,3 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng tầng hầm (chung cho 03 khối nhà): 23.134,3m²;

+ Diện tích xây dựng công trình: 11.555m²;

+ Chiều cao công trình: Tầng cao của Khối công trình HH1: 36 tầng nổi + 01 tầng kỹ thuật. Tổng chiều cao: 139,65 m (tính từ cốt sàn đến cao độ đỉnh mái theo Giấy phép xây dựng số 26/GPXD ngày 24/3/2017); Tầng cao của Khối công trình HH2 và HH3: 41 tầng nổi + 01 tầng kỹ thuật. Tổng chiều cao mỗi công trình là 159,55 m (tính từ cốt sàn đến cao độ đỉnh mái theo Giấy phép xây dựng số 26/GPXD ngày 24/3/2017);

+ Tổng diện tích sàn: 271.796 m² (phần nổi của khối nhà HH1, HH2, HH3) và 68.529 m² (phần ngầm chung) (Diện tích sàn xây dựng được Sở Xây dựng Hà Nội chấp thuận tại Giấy phép xây dựng số 26/GPXD ngày 24/3/2017);

- Dân số khoảng 3.608 người.

- Cơ sở đã hoàn thành xây dựng và bắt đầu đi vào vận hành từ tháng 5/2019.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải, mùi ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Phát triển công viên trung tâm:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Phát triển công viên trung tâm có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày...17...tháng..02...năm 2023 đến ngày 17...tháng 02 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND quận Nam Từ Liêm tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông;
- VPUBTP: CVP, PCVP_{C.N.Trang};
- Các phòng: TH, TNMT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;
- UBND quận Nam Từ Liêm;
- Công ty TNHH Phát triển công viên trung tâm;
- Cổng thông tin điện tử Sở TN&MT;
- Lưu: VT, TNMT.

MHS: 34357/2022

 173(6)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông



PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI; THU GOM VÀ XỬ LÝ MÙI

(kèm theo Giấy phép môi trường số **20** /GPMT-UBND ngày **17** tháng **02** năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dân cư sinh sống, nhân viên và khách hàng làm việc tại khu Tổ hợp.
- Nguồn thải số 02: Nước xả kiệt bể bơi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung được bơm qua đường ống PVC D160 lên hệ thống thoát nước chung ngoài nhà (tại hố ga có ký hiệu G54, nằm giữa Tòa nhà HH2 và HH3), sau đó chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Nguồn thải số 02: Nước xả kiệt bể bơi tự chảy vào hệ thống thoát nước mưa của công trình, sau đó chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí:

+ Nguồn thải số 01: tại ô đất ký hiệu E1.3, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

+ Nguồn thải số 02: tại ô đất ký hiệu E1.3, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000):

+ Nguồn thải số 01: $X = 2325350$; $Y = 581100$.

+ Nguồn thải số 02:

Điểm xả 1: $X = 2325433$; $Y = 580963$ (Bể bơi HH1, HH2)

Điểm xả 2: $X = 2325321$; $Y = 581133$ (Bể bơi HH3)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nguồn thải số 01: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất $1900 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nguồn thải số 02: Lưu lượng xả kiệt nước bể bơi lớn nhất 700 m³/ngày đêm (định kỳ xả kiệt 01 lần/năm).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Nguồn thải số 01: Liên tục 24 giờ/ngày.

- Nguồn thải số 02: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải:

- Nguồn thải số 01: Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không quan trắc định kỳ do Cơ sở đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	COD	mg/l	-		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
5	BOD ₅	mg/l	50	Tần suất 3 tháng/lần	Không thực hiện quan trắc tự động, liên tục
6	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000		
7	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
11	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
12	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

- Nguồn thải số 02: Nước xả kiệt bể bơi được xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội - cột B, C_{max} = C (đối với các thông số pH, Màu, TSS, Clo dư) trước khi xả thải ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	01 lần/năm (thực hiện tại thời điểm xả kiệt nước bể bơi)
2	Màu	mg/l	150	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Clo dư	mg/l	2	

B. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ MÙI:

1. Nguồn phát sinh mùi:

- Nguồn thải số 01: 01 dòng khí thải có mùi được phóng không lên trên mái Tòa nhà HH2, sau hệ thống xử lý mùi của Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

2. Dòng khí thải có mùi xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận, vị trí xả mùi:

2.1. Nguồn tiếp nhận mùi: Môi trường không khí xung quanh tại khu vực ô đất ký hiệu E1.3, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả mùi:

- Vị trí: tại ô đất ký hiệu E1.3, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Tọa độ vị trí xả mùi (theo hệ tọa độ VN 2000):

$$X = 2325387, \quad Y = 581055$$

2.3. Lưu lượng xả mùi lớn nhất: $3.350 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả: Xả khí thải bằng quạt.

2.3.2. Chế độ xả: Xả liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng mùi: Không yêu cầu do chưa có quy chuẩn kỹ thuật so sánh về mùi.

C. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI; THU GOM, XỬ LÝ MÙI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về Trạm xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt từ nguồn phát sinh (bao gồm nước đen là nước thải sinh hoạt từ bồn tiểu, bồn cầu,... được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại; nước xám là nước thải sinh hoạt từ chậu rửa, vệ sinh sàn,... không đi qua bể tự hoại) được thu gom về Trạm xử lý nước thải sinh hoạt có công suất thiết kế $1900 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ để xử lý.

- Nước xả kiệt bể bơi:

Nước bể bơi được lọc tuần hoàn và bổ sung thêm nước định kỳ do bay hơi. Định kỳ 01 lần/năm, nước thải bể bơi được xả kiệt với lưu lượng $700\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt.

+ Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Ngăn Selector $\rightarrow$ Bể SBR $\rightarrow$ Bể khử trùng $\rightarrow$ Nguồn tiếp nhận.

+ Công suất thiết kế: $1.900\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng Javen (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

- Quy trình xử lý nước bể bơi:

+ Quy trình công nghệ:

Nước bể bơi $\rightarrow$ Bình lọc (châm thêm Clo) $\rightarrow$ Nước sau xử lý $\rightarrow$ Tuần hoàn

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clo.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của Trạm xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với Trạm xử lý nước thải.

- Định kỳ theo dõi và kiểm tra Trạm xử lý nước thải và chất lượng nước thải đầu ra của Trạm xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh hệ thống đường ống thoát nước thải, hồ ga nước thải với tần suất nạo vét 06 tháng/lần.

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của Trạm xử lý nước thải.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc Trạm xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Trường hợp xảy ra sự cố không thể sửa chữa trong ngày, Trạm xử lý nước thải phải ngừng hoạt động, không xả nước thải chưa đạt yêu cầu ra ngoài môi trường. Nước thải tạm thời lưu giữ tại bể điều hòa (Thời gian lưu chứa dự kiến khoảng 02 ngày). Khi bể chứa đầy (vượt quá ngưỡng an toàn của bể) hoặc quá thời gian lưu chứa mà chưa khắc phục được sự cố, Chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Trạm xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi đã khắc phục hoàn toàn sự cố, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ra ngoài môi trường.

2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý mùi hôi:

2.1. Mùi hôi phát sinh từ quá trình vận hành của Trạm xử lý nước thải được đưa về hệ thống xử lý mùi hôi có công suất thiết kế $3.350 \text{ m}^3/\text{giờ}$ bằng đường ống thu gom mùi (thông qua quạt hút đưa về Tháp xử lý bằng dung dịch Soda, NaOH, sau đó đưa qua Tháp hấp thụ bằng than hoạt tính) để xử lý.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý mùi:

- Quy trình công nghệ: mùi phát sinh từ các khu vực Bể tự hoại, bể selector, bể điều hòa, bể SBR $\rightarrow$ tháp hấp thụ 1 $\rightarrow$ tháp hấp thụ 2 $\rightarrow$ tháp hấp phụ $\rightarrow$ ống phóng không.

- Công suất thiết kế: $3.350 \text{ m}^3/\text{giờ}$. Công nghệ xử lý: Hấp thụ bằng dung dịch Soda, NaOH và hấp phụ bằng than hoạt tính.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch hấp thụ Soda, NaOH, than hoạt tính (hoặc các hóa chất tương đương đảm bảo chất lượng khí thải có mùi sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

2.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của thiết bị xử lý mùi, máy phát điện dự phòng, theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống.

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của Hệ thống thu gom, xử lý mùi hôi.

3. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở đã hoạt động, đã được UBND Thành phố Hà Nội cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 364/GP-UBND ngày 03/9/2019, vì vậy cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

4.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với Trạm xử lý nước thải.

4.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

4.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **20** /GPMT-UBND ngày **17** tháng **02** năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Chủng loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Găng tay, giẻ lau dính chất thải nguy hại, dầu mỡ, từ quá trình bảo dưỡng, bảo trì công trình	110
2	Hộp mực in thải từ khu vực văn phòng	10
3	Pin ắc quy chì thải	150
4	Linh kiện điện tử hỏng	280
5	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	50
	Tổng cộng	600

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Chủng loại	Khối lượng (m ³ /ngày)
1	Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải	1,0
	Tổng cộng	1,0

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Chủng loại	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	6.000
	Tổng cộng	6.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Chủ cơ sở đã bố trí các thùng chứa chất thải loại 100 lít có nắp đậy, đã dán nhãn và biển cảnh báo chất thải nguy hại đặt trong kho lưu chứa chất thải nguy hại.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Chủ cơ sở đã bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 23m² tại tầng hầm 1.

- Mặt sàn khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được sơn chống thấm, lát gạch. Kho chứa được trang bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. Có biển cảnh báo ở cửa phòng rác.

ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại CTNH; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo quy định hiện hành; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; có vật liệu hấp thụ và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng).

- Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bùn thải phát sinh từ Trạm xử lý nước thải sinh hoạt được lưu giữ tại Bể chứa bùn; định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chủ cơ sở đã bố trí 02 phòng lưu giữ chất thải rắn tại tầng hầm 1 của công trình gồm:

+ Phòng số 1: diện tích 77,6 m², lưu giữ tạm thời rác thải sinh hoạt cần vận chuyển đi xử lý trong ngày.

+ Phòng số 2: có diện tích 23,06 m², thu gom CTR tái chế.

Các phòng lưu chứa chất thải rắn được xây dựng bằng bê tông cốt thép, sàn lát gạch, bên trong bố trí các xe đẩy rác chuyên dụng có dung tích 660 lít, có nắp đậy để thu gom theo đúng quy định.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa chất thải có nền bê tông chống thấm, lát gạch đặt tại tầng hầm. Kho lưu giữ chất thải phải bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

- Chất thải sinh hoạt được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi hàng ngày.

- Đối với bùn thải phát sinh từ Trạm xử lý nước thải sinh hoạt được lưu giữ tại Bể chứa bùn; định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3.2. Chất thải rắn sinh hoạt được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý hàng ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **20** /GPMT-UBND ngày **17** tháng **02** năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu, phế thải và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên trong quá trình hoạt động của cơ sở.
2. Tiếng ồn và độ rung trong quá trình vận hành Cơ sở phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 - Khu vực thông thường) về độ rung.
3. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội.
4. Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành.
5. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở phải được thu gom và xử lý qua Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế 1900 m³/ngày đêm, bảo đảm đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả thải ra môi trường. Vận hành hệ thống quan trắc tự động nước thải, truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.
6. Nước xả kiệt bể bơi phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở phải được xử lý qua hệ thống lọc nước bể bơi, bảo đảm đạt quy chuẩn QCTĐHN 02:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội - cột B, $C_{\max} = C$ (đối với các thông số pH, Màu, TSS, Clo dư) trước khi xả thải ra môi trường.
7. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như đã đề xuất; Cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường thanh tra, kiểm tra khi cần thiết.
8. Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do Cơ sở gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
9. Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.